

Bản số: 05/2019/DS - ST

Ngày: 25/01/2019

**V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH - TỈNH TH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tuấn Hưởng

2. Bà Hà Thị Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: Ông Nguyễn Đức Chiến – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 112/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 09 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐST-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 08, phường Quang Trung, TP. TH, tỉnh TH

Bị đơn: 1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1957 (Có mặt)

2. Chị Lê Thị M, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Xóm Hùng Vương, xã Linh Sơn, TP. TH, tỉnh TH

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn Tiến, sinh năm 1985(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 08, phường Quang Trung, TP TH, tỉnh TH

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày: Năm 2012 ông có quen biết chị Lê Thị M do chị M có thuê quán bán hàng của anh Tuấn, chị Luận là hàng xóm gần nhà ông . Vào dịp tết nguyên đán năm 2013 chị M có đặt vấn đề nhờ ông vay hộ tiền để chị M là ăn kinh doanh. Do tin tưởng nên ông có vay hộ cho chị M tổng số tiền chia làm 9 đợt từ

ngày 05/12/2012 đến ngày 28/01/2013 chị M vay là 200.000.000 đồng(Hai trăm triệu đồng), việc vay nhận có ký nợ giấy vay tiền đứng tên ông là người cho vay, chị M là người ký nhận. Sau đó chị M rất nhiều lần hứa hẹn khát nản không trả được khoản tiền trên cho ông, ông có đến nhà chị M, gặp bà Trần Thị H là mẹ đẻ của chị M để đòi số tiền trên, do chị M đã trốn tránh nợ không gặp ông nên bà H đã đứng ra nhận nợ và yêu cầu gán mảnh đất của bà H để trả nợ cho chị M nhưng ông không đồng ý. Tổng cộng đến ngày 28/01/2013 chị M còn nợ ông tiền gốc 200.000.000 đồng.

- Ngày 20/6/2013 bà H và chị M tiếp tục vay thêm ông số tiền 10.000.000 đồng, ngày 27/6/2013 tiếp tục vay 10.000.000 đồng lý do vay giúp tiền cho người khác, ngày 16/7/2013 và ngày 21/7/2013 mẹ con chị M vay 35.000.000 đồng lý do vào Miền Nam để tìm người thân. Tổng cộng đến ngày từ ngày 20/6/2013 đến 21/7/2013 số tiền vay lên đến 55.000.000 đồng. Số tiền trên chị M, bà H không trả được ông đồng nào.

- Ngày 26/8/2013 với lý do đảo nợ Ngân hàng, mẹ con bà H lại tiếp tục vay 55.000.000 đồng. Ngoài số tiền chị M vay 200.000.000 đồng, bà H ,chị M cùng vay của ông số tiền 110.000.000 đồng tiền gốc, còn lãi suất là theo thỏa thuận của các bên.Tổng cộng số tiền gốc vay là hai đợt là: 310.000.000 đồng. Sau khi ông đòi mãi bà H với chị M mới trả được cho ông khoản tiền cụ thể như sau:

+ Tiền gốc: Ngày 27/04/2014 trả được 25.000.000 đồng; ngày 25/8/2014 trả 15.000.000 đồng; 26/11/2014 trả 15.000.000 đồng. Tổng cộng đã trả được tiền gốc là: 55.000.000 đồng,

+ Tiền lãi: Ngày 22/11/2013 trả 5.000.000 đồng; tháng 03/2014 trả 900.000 đồng, cuối năm 2014 trả 2.000.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi theo thỏa thuận đã trả được trên nợ gốc 55.000.000 đồng là 7.900.000 đồng(Khoản tiền lãi này do các bên thỏa thuận trả lãi trên phần tiền nợ gốc vay từ thời điểm tháng 01/2013 đến tháng 11/2014).

Tổng cộng đến ngày 11/8/2015 Bà H, chị M còn nợ lại ông khoản tiền gốc: 255.000.000 đồng và có viết giấy vay tiền cho ông, cụ thể: chị M viết giấy vay tiền 200.000.000 đồng, bà H viết giấy vay tiền 55.000.000 đồng, thời hạn Th toán 11/10/2015 Th toán hết khoản nợ trên; Lãi suất không ấn định. Khi đến hạn trả nợ chị M, bà H trốn tránh không trả nợ cho ông mặc dù ông đã đến đòi rất nhiều lần. Đến ngày 29/7/2017 ông và anh Nguyễn Văn Tiến là luật sư do ông mời đến nhà bà H, chị M để đòi khoản tiền trên, bà H và chị M có trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng, và chị M, bà H cùng ông viết 01 Giấy biên nhận và xác nhận sự

việc về việc nợ khoản tiền 245.000.000 đồng nợ gốc, cùng nhau thỏa thuận sau 3 tháng đến ngày 29/10/2017 sẽ Th toán thêm số tiền 10.000.000 đồng. Toàn bộ các giấy tờ viết nhận nợ của ông với chị M, bà H trước đó đều hủy đi để viết thành 01 Giấy biên nhận và xác nhận sự việc lập ngày 29/7/2017 có chữ ký của ông, bà H, chị M và có xác nhận của người làm chứng là anh Nguyễn Văn Tiến. Đến thời điểm 29/10/2017 bà H, chị M vẫn không trả được ông bất cứ khoản tiền nào. Ông xác định chị M nợ ông 190.000.000 đồng, bà H nợ ông 55.000.000 đồng. Xác định đối với khoản tiền trên bà H, chị M phải cùng có trách nhiệm trả cho ông số nợ gốc là 245.000.000 đồng . Tại phiên tòa ông Th xác định hiện chị M còn nợ ông tổng số tiền gốc là 190.000.000 đồng. Ông xác nhận ngày 14/11/2015 bà H có trả thêm cho ông khoản tiền ghi là trả lãi là 2.000.000 đồng , tuy nhiên ông nhất trí trừ vào khoản tiền gốc 55.000.000 đồng của bà H, nên hiện tại bà H còn nợ ông tổng số tiền gốc 53.000.000 đồng. Do việc vay nợ của mẹ con bà H, chị M có liên quan đến nhau, bà H là người đứng ra nhận nợ và bảo lãnh khoản tiền nợ của chị M với ông, nên ông đề nghị bà H, chị M phải cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền gốc là 243.000.000 đồng.

Về khoản tiền lãi: Tại phiên tòa ông Th không yêu cầu bà H, chị M phải trả khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc trên.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà xác nhận năm 2013 có vay của ông Nguyễn Văn Th số tiền 55.000.000 đồng, lãi suất cao bà không nhớ là thỏa thuận bao nhiêu, nhưng khi đưa tiền ông Th chỉ đưa cho bà 35.000.000 đồng còn 15.000.000 đồng ông Th trừ vào lãi. Bà có viết giấy hẹn ông Th sau 02 tháng sẽ trả hết khoản nợ trên, cụ thể: Ngày 14/11/2013 trả 1.000.000 đồng; Ngày 28/11/2013 trả 5.000.000 đồng ; Ngày 27/4/2014 trả 25.000.000 đồng; Ngày 25/8/2014 trả 15.000.000 đồng; Ngày 26/11/2014 trả 15.000.000 đồng . Tổng cộng bà H xác nhận đã trả hết ông Th số tiền 55.000.000 đồng gốc và lãi 6.000.000 đồng và không còn nợ ông Th bất cứ khoản tiền nào. Bà xác nhận chị Lê Thị M là con gái của bà có vay của ông Th số tiền 200.000.000 đồng và có viết giấy nhận nợ với ông Th, ngày 29/7/2017 chị M đã trả cho ông Th 10.000.000 đồng. Hiện tại chị M còn nợ ông Th số tiền 190.000.000 đồng là đúng, còn khoản tiền 55.000.000 đồng bà xác nhận đã trả hết cho ông Th, đến thời điểm hiện tại không còn nợ ông Th bất cứ khoản tiền nào. Nay ông Th yêu cầu bà và chị M phải có trách nhiệm trả cho ông Th khoản tiền 245.000.000 đồng bà không nhất trí, số tiền chị M nợ ông Th chị M phải có trách nhiệm trả, bà không nợ ông Th nên không nhất trí trả.

Tại bản tự khai , đơn đề nghị người làm chứng anh Nguyễn Văn Tiến trình bày: Năm 2017 anh có chứng kiến việc trả tiền và xác nhận nợ giữa ông Nguyễn

Văn Th và bà Trần Thị H, chị Lê Thị M tại nhà riêng của bà H tại xóm Hùng Vương, xã Linh Sơn, thành phố TH. Tại nhà bà H hai bên có lập biên bản và xác nhận sự việc ngày 29/7/2017 bà H, chị M trả cho ông Th 10.000.000 đồng tiền gốc trừ vào khoản tiền nợ gốc 255.000.000 đồng. Bà H, chị M còn nợ ông Th nợ gốc là 245.000.000 đồng. Hẹn sau 03 tháng sẽ trả 10.000.000 đồng tiền gốc. Tổng số nợ trên từ giấy nhận nợ của chị M và bà H đã ký vào giấy vay tiền đề ngày 11/08/2015(Chị M vay 200.000.000 đồng; bà H vay 55.000.000 đồng). Anh xác nhận có được chứng kiến về nội dung sự việc và có ký nhận vào giấy biên nhận và xác nhận sự việc ngày 29/7/2017, còn sau đó hai bên có thực hiện theo cam kết không thì anh không được biết. Anh đề nghị được giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự để tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải tại Tòa án, tuy nhiên chị M không đến Tòa án để trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, những lần triệu tập khác đến để H giải bà H có mặt, chị M vắng mặt, do vậy không tiến hành H giải được với các đương sự.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết tại địa phương các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị M nhưng chị M vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà H không nhất trí. Bị đơn chị M đã được tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị H phải trả cho nguyên đơn số tiền 53.000.000 đồng, chị Lê Thị M phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 190.000.000 đồng.

Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản nên thuộc Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TH.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày tại bản tự khai, tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại giấy cho vay tiền ngày 29/7/2017 thể hiện nội dung vay số tiền 245.000.000 đồng, lãi suất không ấn định, thời điểm Th toán 29/10/2017, chữ ký của bên cho vay và bên vay phù hợp với lời khai của nguyên đơn, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị H cũng thừa nhận có việc ký nhận vào giấy vay tiền ngày 11/8/2015 số tiền vay 55.000.000 đồng, xác nhận chị M có vay ông Th khoản tiền 200.000.000 đồng và có ký giấy vay tiền ngày 11/8/2015. Ngày 29/7/2017 bà H xác nhận có ký giấy biên nhận và xác nhận sự việc bà với chị M còn nợ ông Th 245.000.000 đồng và tuy nhiên bà không nhất trí trả khoản tiền 55.000.000 đồng do bà ký nhận ngày 11/8/2015 với lý do khoản tiền này bà đã trả hết không còn nợ gì ông Th, chỉ xác nhận hiện chị M còn nợ ông Th tiền gốc 190.000.000 đồng, chị M phải có trách nhiệm trả cho ông Th, bà không nhất trí trả cho chị M. Căn cứ vào các giấy tờ tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp, toàn bộ giấy tờ trả tiền do bà H cung cấp ngày 14/11/2013; ngày 28/11/2013; ngày 27/4/2014, thời gian trả trước thời điểm bà H viết giấy vay tiền 55.000.000 đồng đề ngày 11/8/2015, bà H không có bất cứ giấy tờ nào chứng minh việc bà đã trả cho ông Th khoản tiền 55.000.000 đồng cho khoản vay ngày 11/8/2015. Ngày 29/7/2017 bà H tiếp tục cùng chị M ký vào giấy biên nhận và xác nhận sự việc đối với khoản tiền vay 245.000.000 đồng và ký xác nhận cùng chị M trả khoản nợ 245.000.000 đồng, do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà H về việc không nhất trí trả ông Th khoản tiền 55.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Th xác định bà H đã trả thêm cho ông khoản tiền 2.000.000 đồng tiền gốc vào số tiền 55.000.000 đồng bà H vay ông, nên ông chỉ yêu cầu bà H còn phải trả cho ông số tiền 53.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của ông Th, buộc bà H phải có trách nhiệm trả cho ông Th số tiền nợ gốc là 53.000.000 đồng.

Về khoản nợ của chị Lê Thị M, tại giấy vay tiền đề ngày 11/8/2015 chị Lê Thị M có ký nhận vào giấy vay tiền với ông Th số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 29/7/2017 chị M tiếp tục ký vào giấy biên nhận và xác nhận sự việc, nội dung giấy biên nhận đã xác định bà H, chị M trả ông Th 10.000.000 đồng được trừ vào số tiền vay 200.000.000 đồng, bà H cũng xác định 10.000.000 đồng trên được trừ vào khoản tiền vay của chị M (Trong đó có bà H vay 55.000.000 đồng, chị M vay 200.000.000 đồng ký tại giấy vay tiền ngày 11/8/2015). Do vậy đối với khoản nợ

chị M vay của ông Th tính đến ngày xét xử 25/01/2019 chị M còn nợ 190.000.000, cần buộc chị M phải có trách nhiệm trả cho ông Th số tiền 190.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông Th buộc bà H, chị M phải cùng có trách nhiệm trả khoản nợ 243.000.000 đồng do cho rằng bà H cũng có trách nhiệm đứng ra bảo lãnh và có liên quan đến khoản tiền của chị M. Xét thấy tại nội dung của các giấy tờ nhận nợ đề ngày 11/8/2015 và ngày 29/7/2017 thì xác định khoản nợ 200.000.000 đồng của chị M và khoản nợ 55.000.000 đồng của bà H đã ký nhận với ông Th được thể hiện bằng 02 giấy vay tiền khác nhau, chữ ký nhận nợ của từng khoản nợ do bên vay ký nhận riêng không liên quan đến việc vay tiền của ông Th để sử dụng chung. Tại phiên tòa bà H không thừa nhận có cùng vay chung khoản tiền 200.000.000 của chị M. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Th về việc buộc bà H, chị M phải cùng có trách nhiệm trả nợ chung cho cả hai khoản tiền vay trên. Tại phiên tòa ông Th nhất trí rút yêu cầu buộc bà H, chị M phải cùng có trách nhiệm trả khoản nợ 243.000.000 đồng. Yêu cầu chị M phải trả cho ông số tiền gốc 190.000.000 đồng, bà H phải trả cho ông khoản tiền gốc 53.000.000 đồng. Xét yêu cầu của ông Th là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về khoản tiền lãi : Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 269; điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS;

- Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th về “ Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” giữa bà Trần Thị H, chị Lê Thị M.

1.1. Buộc bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền tính đến ngày xét xử 25/01/2019, số tiền gốc là : 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng)

Về lãi suất: Ông Th không yêu cầu, nên không xem xét.

1.2. Buộc chị Lê Thị M phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền tính đến ngày xét xử 25/01/2019, số tiền gốc: 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng)

Về lãi suất: Ông Th không yêu cầu, nên không xem xét.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Án phí: Bà Trần Thị H phải chịu **2.650.000đ** (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vào ngân sách nhà nước. Chị Lê Thị M phải chịu **9.500.000đ** (Chín triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàn trả ông Nguyễn Văn Th số tiền **6.380.000 đ** (Sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH theo biên lai số 0006785 ngày 05 tháng 09 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Ông Th, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND phường (xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đường sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đường sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Thư

